

Người tự hào giữ ải địa đầu của vùng đất Nam Hà.

Mạc Thiên Tích.

Mạc Thiên Tích ⁽¹⁾ sinh năm 1706 (mùng 7 tháng 3 Bính Tuất) tại Trũng Kè ⁽²⁾ (Réam), cha là Mạc Cửu ⁽³⁾, mẹ người Việt, họ Nguyễn. Ông chủ danh Tông, tên thật là Thiên Tích, sau đổi thành Thiên Tứ (cũng đều có nghĩa ban cho), tên tự Sĩ Lân.

Mạc Cửu vốn là người Trung Hoa không chấp nhận nhà Thanh nên sang khai khẩn đất Hà Tiên và qui phục Chúa Nguyễn từ năm Giáp Ngọ (1714) được Tộ Quốc Công Nguyễn Phúc Chu

¹ Chữ Mạc vốn không có bộ ấp, Chúa Nguyễn muốn phân biệt với họ Mạc người Việt nên thêm bộ ấp bên cạnh; sự thêm còn ngụ ý ghi công lập ấp, mở mang vùng biên địa của dòng họ mới này.

² Trũng Kè ngày nay thuộc hải cảng Sihanoukville, dưới Cộng Hòa Khmer đổi lại là Kompong - Som.

³ Mạc Cửu theo Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí, người xã Lê Quách, huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, Quảng Đông, từng làm quan với nhà Minh.

phong chức Tổng Binh cho cai quản vùng đất đang khai thác.

Năm Ất Mão (1735), Mạc Cửu mất, Thiên Tích thay cha, được Đinh Quốc Công Nguyễn Phúc Trú phong chức Hà Tiên Trấn, Tổng Binh Đại Đô Đốc, Tông đức Hầu.

Thiên Tích *“tánh tình trung hậu, chân thật, nhân từ, nghĩa dũng, đầy đủ tài đức, thông kinh sử, không có sách nào không đọc, thêm vào lại giỏi tài thao lược, hậu đãi hiền tài”* (1)

Năm Đinh Dậu 1775, sau khi quân Tây Sơn chiếm Gia Định chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần bị giết ở Cà Mau, Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương bị bắt ở Ba Vạt, quân Nguyễn hầu như rã mất đầu, Mạc Thiên Tích vẫn hết lòng phò tá người kế vị và được Nguyễn Vương nhờ hướng dẫn Hoàng tử Xuân sang Xiêm cầu viện.

Lúc này Vua Xiêm là Trịnh Tân, một thương gia người Triều Châu nhờ loạn lạc nên chiếm được ngôi vua, vốn có hiềm khích với Thiên Tích nên bức bách ông, không giúp đỡ, cũng không cho trở về Gia định.

¹ Vũ Thế Danh - Hà Tiên trấn, Hiệp trấn. Mạc thị gia phả, trích theo Đông Hồ văn học Hà Tiên.

Năm 1780 (ngày 05 tháng 10 năm Canh Tý) Thiên Tích vì quá phần uất ruột vàng tự tử tại Vọng Các.

Về sau, năm 1804, con cháu họ Mạc đem tro tàn về mai táng tại núi Bình San (làng Mỹ Đức, Hà Tiên)

Cuộc đời Mạc Thiên Tích về văn học quan trọng nhất ở chỗ ông đã thiết lập nên Chiêu Anh Các

Chiêu Anh Các:

Chiêu Anh Các có nghĩa là gác mời những người tài hoa anh hùng, được thành lập vào năm Bính Thìn (1736) nhân dịp một danh sĩ Trung Quốc người Việt Đông là Trần Trí Khải tự Hoài Thủy sang Hà Tiên và được Mạc Thiên Tích ngỏ ý mời họa “*Hà Tiên thập vịnh*” do ông sáng tác. Trí Khải họa lại và sau đó về Trung Quốc có gởi sang những bài họa khác của các văn nhân bốn quốc.

Trong khi ấy, ở Hà Tiên, Thiên Tích cũng hợp một số người Việt ở Thuận Quảng (¹) để xướng họa. Do đó nhóm Chiêu Anh Các được thành lập. Trên giấy tờ gồm 37 vị (²) nhưng chắc chắn ở Hà Tiên không có đủ con số này.

¹ Tức Thuận Hóa, Quảng Nam, vùng thuộc Chúa Nguyễn.

² Số nhân vật trong Chiêu Anh Các có thể còn nhiều hơn nữa, vì những người họa *Thụ Đức hiên tứ cảnh* khác với những

Chiêu Anh Các ngoài việc xướng họa thơ còn lập đền thờ Khổng Tử và lập nghĩa thực để truyền bá văn chương đạo lý.

Tác phẩm:

1. *Hà Tiên thập vịnh* ⁽¹⁾ (Hán) viết xong năm Bính Thìn (1736) ⁽²⁾ khắc in tại Hà Tiên mùa hạ năm Đinh Tỵ ⁽³⁾ (1737) Nguyên tập gồm:

Bài tự của Mạc Thiên Tích nói về nguyên lai Chiêu Anh Các và tập thơ.

Bài bạt của Dư Tích Thuần tự Kim Ngũ ca tụng cảnh Hà Tiên và người cai trị tài giỏi.

Bài bạt của Trần Trí Khải tự Hoài Thủy nói về Mạc Thiên Tích và nguyên nhân có 10 bài họa của mình.

người họa *Hà Tiên thập vịnh*. Tuy nhiên ta biết chắc chắn một điều trong số này chỉ có sáu người Việt Nam. Theo Lê Quý Đôn - *Kiến văn tiểu lục* (mục Thiên chương) đó là Trịnh Liên Sơn, Phan Thiên Quảng, Trần Trịnh, Đặng Minh Bản, Mạc Triều Đáng và Nguyễn Nghị (Lê Quý Đôn trong *Kiến văn lục*, có chép lại bài họa Thạch Động thôn vân của ông này).

¹ Theo bài tựa tự của Trịnh Hoài Đức trong “*Minh Bật di ngư thi thảo*” nhan đề tập này: “*Bát Tiên thập cảnh toàn tập*”.

² Theo bài tựa của Mạc Thiên Tích.

³ Về sau, Nguyễn Cư Trinh lúc vào Long Hồ có họa thêm 10 bài năm 1755, nhưng khi ấy sách đã khắc in khá lâu nên không có trong Hà Tiên thập vịnh. 10 bài này Lê Quý Đôn cho chép lại trong “*Phủ Biên tạp lục*”. Xem phần phụ lục của Nguyễn Cư Trinh.

Mười bài xướng của Mạc Thiên Tích tả mười cảnh đẹp ở Hà Tiên.

Ba trăm mười (310) bài họa của 31 vị có chân trong Chiêu Anh Các.

Vậy tổng cộng Hà Tiên thập vịnh gồm 320 bài vịnh mười cảnh.

2. *Minh bột di ngư* (Hán).

Do Mạc Thiên Tích sáng tác. Sách gồm 32 bài đường luật tả cảnh “*Lư Khê nhàn điệu*”: cảnh câu cá nhàn rỗi ở bên Lư, và một bài phú rất dài hơn 100 câu là *Lư Khê nhàn điệu phú*.

Không có bản in đầu tiên và tài liệu nên ta không biết xuất hiện vào năm nào. Tập này về sau, năm 1821 được Trịnh Hoài Đức tái khắc bản với nhan đề “*Minh bột di ngư thi thảo*” và viết một bài tân tự rất quan trọng ghi được tâm sự của tác giả: (*Mạc Thiên Tích*) *ngụ mới u hoài cảm khái tự chôn thâm tâm, chớ nào phải vì chén rượu câu thi mà xướng họa hão đâu ... chính vì Ngài canh cánh nỗi cảm hoài cố quốc đô thành khuôn cảnh “Thử ly” (đồng lúa oằn oại thay cảnh đô thành của nhà Châu bị giặc khuyển Nhung chiếm cứ). Cảnh mất nước. Ngài tư tưởng, uất ức: “dẫn lòng trung phần hư vô, gởi dòng sóng bạc, mòn mắt tử phần muôn dặm, trông đám mây ngàn”, nên Ngài mượn lối thi*

thơ để giải bày tâm sự, ta há nên bình nghị Ngài về chỗ vui chơi, nhàn hạ như ai đâu” (1).

3. *Thụ Đức hiên tứ cảnh* (Hán):

Đây là một tập thơ xướng họa theo thể thuận nghịch đọc gồm:

- Bài tự của Phương Thu Bạch .

- 4 bài xướng của Mạc Thiên Tích, tả bốn cảnh xuân hạ thu đông ở nơi đọc sách (*Thụ Đức hiên*)

- 88 bài họa của 32 vị (2) trong *Chiêu Anh Các*

Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* ghi bài họa gồm 88, vậy một vài vị đã họa không đủ số. Mặt khác những bài Lê Quý Đôn trích lại cho ta nhận xét các bài thường không giữ thể thuận nghịch đọc.

4. *Hà Tiên vịnh vật thi tuyển*.

5. *Châu thị trình liệt tặng ngôn*.

6. *Thi truyện tặng Lưu tiết phụ*.

7. *Thi thảo cách ngôn vị tập* (1)

¹ Bản dịch của Ngạc Xuyên Ca Văn Thịnh – “Đại Việt tạp chí” số 12 ngày 01 - 04 - 1943.

² Danh sách 32 vị này xem trong *Kiến văn tiểu lục*, mục Thiên chương. Ba mươi hai vị này khác với những tác giả họa Hà Tiên thập vịnh.

8. Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh (Nôm)

Những bài thơ Nôm này - tác phẩm thứ 8 - chưa được khắc bản ấn hành, chỉ được truyền khẩu trong vùng Hà Tiên, theo Đông Hồ dân gian còn gọi bằng tên khác: “*Hà tiên quốc âm thập vịnh*”².

Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh gồm:

334 câu lục bát song thất; bắt đầu bằng hai câu lục bát, kế đến 2 câu thất, mô tả mười cảnh đẹp ở Hà Tiên.

10 bài thơ luật Nôm xen giữa mô tả từng cảnh một.

1 bài thơ luật Tổng vịnh³.

Cũng như *Hà Tiên thập vịnh*, *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh* tả mười cảnh sau:

1. *Kim dự lan đào*: Đảo vàng ngăn sóng lớn .

¹ Bốn quyển 4,5,6,7, chúng tôi ghi theo lời tân tự của Trịnh Hoài Đức trong “*Minh Bật di ngư thi thảo*”: “*Tôi vào tuổi thành đồng (hai mươi) đã từng thấy ... các bộ sách này xuất bản lưu hành*”.

² Đông Hồ - Văn Học Hà Tiên - Quỳnh Lâm, Sài Gòn, 1970, trang 143.

³ Mười bài thơ luật và bài tổng vịnh in lần đầu tiên bằng quốc ngữ trong tuần báo Nông Cổ Mĩn Đàm số 159 ngày 29/9/1904.

2. *Bình san điệp thúy*: Núi dựng một màu xanh.
3. *Tiêu tự thần chung*: Chuông sớm ở chùa vắng.
4. *Giang thành dạ cổ*: Trống đêm ở đồn bên sông .
5. *Châu nham lạc lộ*: Đàn cò đáp xuống núi châu báu.
6. *Đông hồ ấn nguyệt*: Hồ phía đông in hình bóng trăng.
7. *Nam phố trùng ba*: Bãi nam sóng lặng.
8. *Thạch động thôn vân*: Động đá nuốt mây.
9. *Lộc trĩ thôn cư*: Nông trại ở mũi Nai
10. *Lư Khê ngư bạc*: thuyền đánh cá đỗ bến Vược¹

¹ Một vài đầu đề của Mạc Thiên Tích có tính cách cổ điển như “Lan đào”, “Thần chung”, “Ngư ca” ... ở Việt Nam năm 1736 Ngụy Tiếp, hiệu Ngọc Dung tự Xuyên Chu đến Kinh đô (Thăng Long) có sáng tác “*An Nam kinh đô bát cảnh*” (Còn gọi là *Thăng Long bát cảnh*) cũng có vài đề tài tương tự. Cũng khoảng thời gian này Ngô Thời Sĩ có mười bài vịnh cảnh đẹp ở chung quanh núi Bàn A (Thanh Hoá) đề tài cũng trùng vài mô thức đó.

Chiêu Anh Các để lại nhiều thơ, nhưng tác giả hầu hết đều thuộc người Trung Quốc và chưa sống ở Việt Nam, thơ văn lại gò bó trong việc họa vần, hạn đề nên không phản ảnh nếp sống, tâm tư người Việt. Chúng ta ngày nay, mặc dầu ghi nhận sự hiện hữu của nhóm thi nhân này nhưng không thể xét về mặt tư tưởng cũng như ngôn từ như là đối tượng của việc nghiên cứu một trường phái ở Việt Nam để tìm hiểu về một giai đoạn của lịch sử văn học Việt. Chúng ta có thể xem xét riêng trường hợp Mạc Thiên Tích và *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh* vì tác giả sống ở Việt Nam, hòa đồng cuộc đời với dân tộc Việt, sự khảo sát, do đó lợi ích vì giúp ta hiểu thêm một người Việt, cũng như tư tưởng của một người gắn bó với vùng đất mới, ưu tư vì nó, lo lắng vì nó.

Đại cương tư tưởng của Mạc Thiên Tích nổi bật ở những điểm:

A. Nói lên được niềm kiêu hãnh của mình.

Thừa hưởng sự nghiệp đồ sộ của cha, giữ vai trò quan trọng đối với Chúa Nguyễn, nhận tước lớn của triều đình lúc mới ba mươi tuổi, Mạc Thiên Tích chắc chắn có sự tự hào riêng. Thơ ông, mặc dầu xuất phát từ cảm hứng, từ tinh thần sùng thượng văn chương, vẫn bộc lộ niềm kiêu hãnh của một vị tướng trẻ đang nắm quyền tuyệt đối ở địa phương và rất có thế giá với triều đình.

Nền tự hào này thể hiện ở chỗ Mạc Thiên Tích ca tụng đất Hà Tiên, ông coi:

a. Hà Tiên như cửa ải của Nam Hà.

Về địa thế cũng như chiến lược, Hà Tiên đóng vai trò cửa ải án ngữ đường vào nội địa Đàng Trong. Quân Cao Miên hay Xiêm La muốn quấy rối Chúa Nguyễn không thể không đụng đầu với họ Mạc. Có thể nói vai trò của Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích cũng như vùng đất biên thùy dưới quyền họ làm “phên che giậu chống” cho đất Chúa Nguyễn. Các vị chúa như Phúc Chu, Phúc Trú chỉ có thể yên ổn mặt Nam với sự trung thành và lòng tận tâm của họ Mạc.

Nhận thức được vai trò quan trọng của mình, Mạc Thiên Tích luôn luôn ca tụng vùng đất thuộc quyền như một nơi hiểm yếu, chón chở do thiên nhiên tạo dựng, quân giặc không thể tấn công được. Trong đoạn mô tả cảnh “*Kim dự lan đào*”, “*Bình San điệp thủy*”, tác giả bộc lộ niềm kiêu hãnh đó, nhiều khi đến mức độ tuyệt đối, thách đố cả các sức mạnh siêu nhiên: “*dầu quỷ thần hấn âu chón chở*”:

*“Giữa trời một đỉnh cao xây,
Sáu ngao ấy giá, năm mây là lầu.
Trải nghìn thu con vua ngậm đá.
Suy hình hài như thả ngọc phong.
Kim thang đứng sừng giữa dòng.*

*Công cao nhạc lộc tuổi đời kiên khôn,
Chốn hải môn, tiết còn rành rạn¹,
Chốn miếu đường một cảnh vui xa.”*
(Kim Dụ lan đào)

Hoặc

*“Thợ trời sao khéo tạo hình;
Đá giã lưng hạm cây doanh khúc rồng”.*
(Bình San điệp thúy)

Mặc dù thiên nhiên hiểm yếu, thuận lợi cho người cai quản, nhưng nếu chủ tướng bất tài, chênh mảng việc phòng bị, không biết tổ chức quân sự, địa thế chiến lược cũng mất. Do đó Mạc Thiên Tích ngầm nói lên công lao với Chúa Nguyễn bằng cách mô tả những công trình xây dựng của mình như đắp

¹ Sáu ngao ấy giá: Điều nghiêu tài, theo sách Liệt Tử, phía đông Bột Hải, có nhiều hang núi, trong đó có năm hòn không chân, trời ngại trôi nên sai 15 con ngao đội giữ lại. Ở đây tác giả dùng chữ sáu ngao vì đảo kim dự có hai, Đại Kim Dự và Tiểu Kim Dự; giá: kệ; Sáu con nghiêu làm kệ đỡ 2 hòn Kim Dự (Chú thích theo Đồng Hồ Sđd). Năm mây là lâu: năm mây tức mây ngũ sắc được cho là mây lành; tác giả nói đảo cao, luôn mây lành bao phủ, vừa mô tả cảnh đẹp, nguy nga vừa mô tả khí vượng. Con vua ngầm đá: Điền tinh vệ hàm thạch: chim tinh vệ ngầm đá núi Tây đen đến bể đông để lấp, tác giả muốn nói cảnh đẹp do thiên nhiên tạo dựng. Kim thang: do chữ kim thành, thang trì; thành vàng ao (hào) nước sôi. Chi chỗ phòng thủ kiên cố. Nhạc lộc: núi đẹp, chân núi đẹp. Rành rạn: rõ ràng hẳn hoi.

thành đê ngăn nước, lập hải cảng quân sự để tăng cường khả năng chiến đấu ...

*“Bồi thành dài (¹), mặt chóng nước xa.
Ghe phen ² chiến hạm vào ra,
Thu hào vỡ mặt, phục ba kinh lòng”.*
(Kim Dụ Đào lan).

Về quân sự ông đã thực hiện được sự canh phòng hoàn hảo: chiều vừa xuống quân lính đã bố trí cơ đội phân minh cẩn thận canh chừng suốt đêm. Bài Giang thành dạ cổ, tác giả dùng một đoạn thật dài để nói về sự việc này:

*“Dụt vạc sôi (³), bốn phương thanh phước,
Phép nhà binh mỗi chước mỗi hay
Ác vàng vừa lặn hang Tây,
Liễu dinh tiếng trống vang dây sơn xuyên.
Lịnh một truyền cửa viên giải áo.
Vạc lậu đồng vừa báo sơ canh. (⁴)
Nhưng hàng cơ thứ phân minh”.*

¹ Bồi thành dài: Tác giả nói mình đã xây đắp một dải trướng thành dọc theo bờ biển để chống lại sóng (thu hào, phục ba), để làm chỗ đậu cho thuyền chiến.

² Ghe phen: nhiều phen.

³ Dụt vạc sôi: Làm tắt chảo lớn đang sôi, dẹp yên những nguyên do sanh tai họa (dụt biến âm của diệt: trừ khử, làm cho hết cháy).

⁴ Cửa viên: dịch chữ viên môn nơi doanh trại. Đào Duy Từ dịch là cửa xe, bài Ngoại Long Cương: Cửa xe đài án việc rồi. Vạc lậu đồng: đồ dùng để cho biết giờ ngày xưa. Sơ canh: canh đầu từ 8 đến 10 giờ.

Kết quả sự cực nhọc của quân sĩ trong việc canh phòng: quân giặc không giám động tịnh:

“Giao nghe nhòm gáy, chuột rình nép hơi.”

Việc xếp đặt thứ tự trong cơ quan đầu não dưới quyền cũng được chú ý cẩn kẽ, người trên kẻ dưới phân minh, có thể nói tổ chức ở đây qui củ, hoàn bị giống như nơi có truyền thống lâu đời, nơi kinh đô, đô hội:

*“Biết phân ngôi, biết phân chủ khách,
Tuy giang thôn, nào khác Trường An.”*

b. Hà Tiên như vùng đất đẹp đẽ, thanh tú.

Nếu vùng đất thuộc quyền chỉ quan trọng ở thiên nhiên hiểm trở, được bố phòng cẩn mật, có tổ chức qui củ, có lẽ Mạc Thiên Tích cũng chưa hãnh diện mấy vì như vậy Hà Tiên sẽ như một biên thùỵ xa xăm không ai muốn đến và người cai quản chẳng khác nào một vị tướng quân bị lưu đày. Hà Tiên trái lại, dưới mắt Mạc Thiên Tích không hoang vắng tiêu sơ, mà đẹp đẽ, thanh tú, đó đây phô bày phong cảnh hữu tình, thần tiên.

* Cảnh “*Bình San điệp Thuỵ*” lúc nào cũng um tùm, phơi phới, sinh động với ngàn hoa ong bướm, mát mẻ, xanh tươi với cây xanh, mây phủ thu hút mọi người.

*“Lược đông phong chải đầu điệp thuỵ,
Lúc mưa xuân rơi phủ muôn cảnh.”*

*Rờn rờn trúc lục thông xanh.
Chòi Xuân non bện, là quỳnh phới gie.
Ong vói ve om sùm cùm liểu,
Bướm dập dìu lẻo đẽo chòm hoa.
Mây liền ba khóm một tòa,
Dưới trên bích mát, gần xa xanh giề”.*¹

* Cảnh “*Nam phố trừng ba*” mặt nước phẳng lặng như tấm lụa xanh trải rộng một bức vóc long sa mà tay nhân tạo không thể dệt nên.

Cảnh Nam Phố đẹp như cảnh phượng hoàng trì trong ngự uyển, điểm nhiễm có con cá đớp mực, boi lội thung thăng có những con hạc tránh khói bay lượn quanh quần, có những đàn nhạn đàn âu tụ tập, vui vầy hớn hờ đón mừng quang cảnh buổi xuân thiên minh mị.”²

*“Đố ai dệt được long sa cho tài,
Phẳng lặng thay bãi dài biển rộng.
Mây phượng trì một giống quan tinh.
Đã hay ai lai láng dòng xanh,
Cá phung nước mực hạc quanh khói trà.
Nhạn gần xa hãy còn hiệp lũ*

¹ Cả câu đề: gió đông như cái lược chải cho núi xanh thêm đẹp thêm. Phi: trang hoàng, pha màu, cả câu; mưa Xuân điểm sắc cho cành lá. Non bện: lá non, đan vào nhau. Phới gie: chòi non đưa ra ngoài. Giề (?) có lẽ chữ này xưa có nghĩa như một trạng từ (xanh thật xanh), (bích mát: xanh giề).

² Đông Hồ Sđđ trang 265.

Chốn bãi nôm bay phủ mừng Xuân!”

* Cảnh “*Kim Dị lan đào*” dễ mê hoặc lòng người vì trời cao, biển rộng, núi vượt lên không kéo dài ra tận bãi tạo thành gành vịnh đẹp đẽ, quỳên rũ. Du khách đến đây thấy lòng thanh thoi như bước vào cõi tiên cảnh phật:

*“Khách thoạt nhìn sực nhớ Bồng Lai,
Thú mầu quên rũ lòng ai,
Say sưa biển rộng dùi mài non Tiên.
Thế tự nhiên, gành câu vịnh lười,
Nước cùng non, trên dưới đều ưa”.*

* Cảnh “*Thạch Động thôn vân*”: tác giả mô tả cảnh huyền ảo của một cửa động chập chùng đá dựng, quanh năm mây tỏa lung linh, người đứng phía trước có cảm tưởng như lạc bước Thiên Thai gần cũng đó, xa xôi cũng đó:

*“Chập chùng đá lập cao dày,
Một hang khép mở năm mây ra vào.
Tưởng động đào năm mây lại sót.
Đoái tư bề ngun ngút khí linh.
Trời gần gang tấc chẳng chùng.
Kề tòa Bắc Đẩu dựa đình Tử Hư”*

Bước vào động đá, cảnh thăm thăm hiện ra, hang dài không biết đâu cùng, gió lộng, mây luồng, mỗi cơn gió thoảng, từng cụm mây tỏa ra lơ lửng, chập chờn tạo thêm sự huyền bí, kỳ ảo. Lúc trời

yên tĩnh, mây tụ lại lưng chừng thạch động, gây cảnh lung linh, xa cách thế tục:

*“Một hang thăm thẳm thay là,
Đã phun tẩm gió, lại hà năm mây.
Khi tan bay hòa trời lóm khóm.
Khi tụ về một đám lung lung.*

.....
*Khắp bốn phương gồm về một động,
Mây hư linh hồ rộng khắp xa.
Rõ ràng sắc cỏ màu hoa.
Đào say thức rắng, mai lòe đóa trắng”*

B. Chí khí họ Mạc .

Chọn mười đề tài đưa ra ngâm vịnh. Mạc Thiên Tích có lý do riêng của ông, bày tỏ niềm kiêu hãnh và phô diễn chí khí mình. Lê Quý Đôn trong *Kiến Văn tiểu lục*, mục Thiên Chương, sau khi chép lại hai bài xướng *Lộc trĩ thôn cư* và *Lư kê ngư bạc* đã hạ bút: *“Khá biết chí khí của Họ Mạc!”*

Nhưng chí khí gì không thấy Lê quý Đôn nói, chúng ta phải tự mình tìm hiểu thôi.

Ta nên biết bài xướng bằng Hán văn của Mạc Thiên Tích cùng đầu đề và diễn ý tương tự với bài vịnh quốc âm. Trong bài *Lộc trĩ thôn cư* nôm tác giả mô tả thanh bình, long thịnh dưới quyền quản trị của ông:

*“Người bốn phương vầy làm một tác¹,
Tranh cỏ sưa lưu lạc dưỡng an.
Khóm non tiếng nước chan chan.
Thú vui bốn thú dân nhàn bốn dân
Dầu muôn dân đợi thời mây gió,
Lòng chưa nguôi chúa ngõ² tôi ngay.”*

Như vậy chí khí họ Mạc không ở chỗ làm người tướng quân cai trị một mảnh đất nhỏ bằng oai lực, mà nắm nơi hiểm ra tay võ về, tạo lập êm ấm cho nhân dân vì chính ông tự sửa đổi mình trở thành bậc lãnh tụ tài giỏi.

Ông cho rằng mình ra oai, đem tài thi thố, vùng đất Hà Tiên mặc dầu xa xôi cũng trở nên phồn thịnh như kinh đô Trung Quốc:

*“Đồng Châu nội Vũ ra tay,
Khi câu nước trị, khi cày nhà an.
Người thanh nhàn vật thì long thịnh,
Dân bang kỳ y sáng kỳ Tây”*

Nhờ đó dân cư sống đời nhàn hạ:

*“Bên sông có mấy nhà ngư,
Xa xem bóng ngõ bức đồ đan thanh.
Sánh thị thành lầy làm nhàn nhã”*

¹ *Một tác*: một nhóm, giờ ta còn nghe nói bạn tác.

² *Chúa ngõ*: Chúa hiền, có đức; ngõ, tiếng cổ có nghĩa hiền như thành ngữ “ghen hiền ghét ngõ”.

Bài *Lư Khê ngư bạc*, hầu hết phô diễn ý đó, tác giả bên ngoài mô tả cảnh người chài lưới làm việc với những dụng cụ thô sơ, với công tác lao nhọc, bên trong hàm ý nói về mình như một vị tướng tài đánh Đông dẹp Bắc, quân giặc lớn bé đều kinh, nép mình sợ hãi, do đó vùng đất ông cai quản được vô cùng yên ổn:

*“Đặng, nò hai loại một môn,
Lựa kinh như ngọc sáng còn lao xao.
Thiếp ba đào kia người đóng đấy.
Tóm trăm loại một đẫy lược thao.
Chia nhau lớn bé thấp cao.
Cá rồng mệt mắt, kinh ngao lẫn tròng.
Đã càn sông lại càn tới rạch.
Chờ cạn còn mỗi cách mỗi hay.”*

Tư tưởng Mạc Thiên Tích luôn luôn hướng về việc bày tỏ vai trò mình, tài trí mình nên tác phẩm thường ngụ ý đề cao, chẳng hạn ông khen mình: *Gõ gươm thân vũ, dân lành khỏi nghiêng* hay ca tụng đàn cò về núi Châu Nham: *Biết chỗ mà nương ấy mới khôn*.

Thật ra đây chỉ là những cách nói: mình tài đức dân chúng biết lo xa, biết thấy trước cuộc sống dễ dàng của vùng đất Hà Tiên, kéo nhau về ...

Chí khí họ Mạc không nằm trong vài câu, năm ba chữ mà bằng bạc khắp mọi bài thơ, ẩn tàng trong các đề tài. Chọn một phong cảnh đặt một đầu đề, tác giả đều có dụng ý. Ông Đông Hồ đã thấy

được tâm can của Mạc Thiên Tích khi viết: “Chọn và đặt tên mười đầu bài này ngoài việc vinh danh thắng, ca tụng phong quang họ Mạc còn có dụng ý nói lên chí khí tâm sự của mình, tuyên truyền qui quyền thế lực của mình, phô trương trù phú phồn thịnh của đất nước do tay mình khai thác, mở mang, nghiêm nhiên hùng cứ một tiểu quốc độc lập ở chốn hải giác biên đình.

1. Kim Dự và Bình san là hai cảnh hải đảo sơn cương. Giới thiệu địa thế vững vàng như thái sơn bàn thạch.

2. Tiêu tự và Giang thành là hai cảnh kiến trúc qui mô, một biểu thị cho đạo đức là chùa chiền và một biểu thị cho quân sự là đồn lũy.

3. Thạch động và Châu nham là hai cảnh sơn nham thạch cốc bí tàng phong phú, thiên bảo vật hoa.

4. Đông hồ và Nam phố là hai cảnh hồ hải khoáng hoạt tung hoành, tự nhiệm tiêu dao trong vân thủy yên hà.

5. Lộ trĩ và Lư Khê là hai cảnh sinh hoạt thôn trang nhà đủ người no, nhân dân an cư lạc nghiệp¹“

¹ Đông Hồ - Văn học Hà Tiên - Sđđ, trang 36.

Mạc Thiên Tích ngậm vịnh như một phương tiện để bày tỏ niềm kiêu hãnh cũng như hé cho người khác thấy sự quan trọng của ông. Trong bài tựa Hà Tiên thập vịnh, đề năm Đinh ty (1737) ông ca tụng cha mình, gián tiếp đề cao người tiếp nối cơ nghiệp đồ sộ được để lại: “*Trần Hà Tiên, nước An Nam xưa vốn vùng hoang dã, xa xôi. Khi tiên quân ta mở mang đến giờ, hai ba mươi năm qua, dân cư mới được yên ổn đo lường và trông trọt ...Mới biết rằng non sông Hà Tiên này đã được thấm nhuần phong hóa của tiên quân ta mà mà thêm phần tráng lệ.*”¹

Thơ Mạc Thiên Tích trôi chảy, nhiều ý thơ mới lạ, chữ dùng chính xác, âm hưởng thanh tao ...

Nhưng kỹ thuật đó không quan trọng, tư tưởng Mạc Thiên Tích mới quan trọng. đó là tư tưởng của người mang niềm kiêu hãnh riêng lúc nào cũng muốn bộc lộ, mang hoài bão lớn² nhưng ở vị thế đặc biệt nên chỉ dám nói xa gần.

Hà Tiên Thập cảnh khúc vịnh vì vậy như một bức thơ, một sứ điệp của Họ Mạc gửi cho Chúa

¹ Trích dịch trong “*Văn Tịch Chí*” của Phan Huy Chú.

² Các ông Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hầu - “*Thất Sơn màu nhiệm*” - Từ Tâm - in lần II - Sài Gòn, trang 36 có lý phần nào khi cho rằng họ Mạc ếm dân tộc Việt Nam.

Nguyễn, nếu chỉ chú ý đến chỗ trang hoàng, đến màu hoa sắc là chúng ta sẽ sao lãng nội dung và không hiểu ý họ Mạc.

Chúa Nguyễn ngày xưa đã biết được ẩn ý đó của Mạc Thiên Tích nên trọng vọng ông. Điều này giúp ta hiểu tại sao Mạc Thiên Tích dốc lòng trung thành với Nguyễn Ánh và giúp ta giải thích nguyên nhân gần nửa thế kỷ cuối đời, ông không sáng tác thêm tác phẩm Nôm nào nữa.

Phụ lục I:

HÀ TIÊN THẬP CẢNH KHÚC VINH

(nôm)

Tác phẩm của Mạc Thiên Tích.

1. Kim Dự lan đào

*Kim Dự đây là núi chót then.
Xanh xanh giành trấn cửa Hà Tiên.
Ngăn ngừa nước dũ khôn vùng vẫy.
Che chở dân lành khỏi ngừa nghiêng,
Thế cả vững vàng trên Bắc Hải,
Công cao đồ sộ giữa Nam Thiên.
Nước an chẳng chút lông thu động,
Rộng bủa nhơn xa khắp bách xuyên.*

2. Bình San điệp thủy.

*Một bước càng thêm một thú yêu,
Lẳng cây vít đá vẽ hay thêu?
Mây tòng khói liễu bay chồng chập,
Đờn suối ca chim giọng thấp kiêu.
Ngọc luật Châu Công chẳng phải trôi,
Ngòi sương Ma Cật cũng thua nhiều.
Đến đây mới biết lâm tuyền quới,
Dám trách Sào Do lánh Đế Nghiêu.*

3. Tiêu Tự thần chung .

Rừng thiên xích xác án ngoài tào,

Chuông gióng chùa Tiêu tiếng tiếng cao.
Chày thò khắp vang muôn khói sóng.
Oai kinh tan tác mấy cung sao
Nã phiền kẻ nấu sôi như vạc,
Trí huệ người mài sắc tợ dao.
Mờ mịt gấm đường say mới tỉnh,
Phù sanh trong một giấc chiêm bao.

4. Giang Thành dạ cổ

Trống quân giang thú ỏi oai phong,
Nghiêm gióng đòi canh dậy núi sông.
Đánh phá lũ gian người biết mặt,
Vang truyền lệnh sấm chúng kiêng lòng.
Phao tuông đã thấy an ba vạc.
Nhật nhiệm chi cho lọt mảy lông.
Thẻ lụn sớm hầu trưa bóng ác,
Tiếng xe rầm rạc mới nên công.

5. Thạch Động thôn vân.

Quỉ trở thần xoi nổi một tòa,
Chòm cây khóm đá dấu tiên gia.
Hang sâu thăm thăm mây vùn lại.
Cửa rộng thỉnh thỉnh gió thổi qua.
Trống lộng bốn bề trâu thế giải,
Chang bang một dãy chứa yên hà.
Chưn trời mới biết kho trời đầy
Cân đái hèn chi rở ý la.

6. Châu Nham lạc lộ.

Biết chỗ mà nương ấy mới khôn.

*Bay về đằm cũ mấy mươi muôn.
Đã giăng chữ nhất dài trăm trượng.
Lại xấp bàn vây trắng mấy non.
Ngày giữa ba thu ngân phấn vẽ.
Đêm trường chín hạ tuyết sương còn.
Quen cây chim thể người quen chúa
Dễ đổi ngàn cân một tấm son.*

7. Đông Hồ ẩn nguyệt.

*Một hồ lẻo lẻo tiết thu quang.
Giữa có vầng trăng nổi rõ ràng.
Đáy nước chơn mây in một sắc.
Ả Hằng nàng Tố lộ đôi phang.
Rạng banh đã hứng thuyền Tô Tử
Lạnh lẽo càng đau kiếng Nhạc xương.
Cảnh một mà tình người dễ một.
Kẻ thì ngả ngón kẻ sầu thương.*

8. Nam Phổ trùng ba.

*Dòng Nam vũng rặng khách dầu chơi.
Hai thức như in nước với trời.
Bãi khói dưới không hương lại bỏ.
Hồ gương trong có gấm thêm rơi.
Sóng chôn vảy ngọc tình khôn xiết.
Nhạn tả thơ trời giá mấy mươi.
Một lá yên ba dầu lỏng lẻo.
Đong trắng lườn gió nước với với.*

9. Lộc Trĩ thôn cư.

Lộc trĩ ai rằng thú chẳng thanh ?

*Nửa kê nước biếc nửa non xanh.
Duỗi co chẳng túng càn thôn hẹp.
Cúi ngựa vì vưng đức giáo lành.
Lưu lác¹) hưởng dư ơn nước thanh.
Ê hệ sẵn có của trời dành.
Đâu vui thì đấy là an lạc.
Lựa phải chen chơn chốn thị thành.*

10. Lư Khê nhàn điệu.

*Bến Vược thuyền ngư chật mấy tầng.
Trong nhàn riêng có việc lãng xãng.
Lưới chày phơi trải đầy trời hạ,
Gỏi rượu hi ha toại nghiệp hằng.
Nghề Thuấn hãy truyền bên trác trác.
Dấu Nghiêu còn thấy đủ răn răn.
Suy trong mười kiếng thanh hòa lịch
Họa kiếng Bồng Lai mới sánh bằng.*

Tổng vịnh.

*Mười kiếng Hà Tiên rất hữu tình.
Non non nước nước gấm nên xinh.
Đông Hồ, Lộc Trĩ luôn dòng chảy.
Nam Phố, Lư Khê một mạch xanh.
Tiêu Tự, Giang Thành, chuông trống ỏi.
Châu Nham, Kim Dự cá chim doanh.
Bình Sơn, Thạch Động là trường cội,*

¹ *Lưu lác*: Theo Huỳnh Tịnh Của thì là *lưu loát*, nghĩa là dư giả, không thiếu vật gì, đối với *ê hệ* ở câu dưới. Là chữ cổ, còn thấy trong vở tuồng *Trương Ngáo*.

Đồ sộ muôn đời cũng để danh.

Theo Đông Hồ - Văn học Hà Tiên - ; Lê Sum - Quốc âm văn uyển (trang 27 - 29), Nông cổ mín đàm (số 159 ngày 29 - 9 - 1904).

Phụ lục II.

HÀ TIÊN THẬP VỊNH (hán)

Tác phẩm của Mạc Thiên Tích

1. Kim Dự lan đào.

Nguyên văn:

金嶼攔濤
一島推崑奠碧連
橫流奇勝壯河仙
波濤勢截東南海
日月光迴上下天
得水魚龍隨變化
傍崖樹石自聯翻
風聲浪跡應長據
濃淡山川異國懸

Phiên Âm:

Nhất đảo thoi ngói điện bích liên.
Hoành lưu kỳ thắng tráng Hà Tiên.
Ba đào thế tiết đông Nam hải
Nhật nguyệt quang hời thượng hạ thiên.
Đắc thủy ngư long tùy biến hóa.
Bàng nhai bách thụ tự liên thiên.
Phong thanh lãng tích ưng trường cử.
Nùng đạm sơn xuyên dị quốc huyền.

Dịch thơ:

Một dãy non xanh nước bích liên.
Giăng ngang cho mạnh đẹp sông tiên.
Đông Nam sóng biển bằng trang cả.
Trên dưới trăng trời sáng rực lên.
Rồng cá vẫy vùng trong cõi nước.
Đá cây xanh xát khắp ven miền.
Nghìn thu tiếng gió quanh chân sóng.
Đậm nhạt trăng treo nét lạ nhìn.

(Đông Hồ dịch).

2. Bình San điệp thủy.

Nguyên văn:

屏山疊翠
籠葱草木自峇嶠
疊嶺屏開紫翠嬌
雲靄匝光山勢近

雨餘夾麗物華饒
老同天地鐘靈久
榮共烟霞屬望遙
敢道河仙風景異
嵐堆鬱鬱樹蕭蕭

Phiên âm:

*Lông thông thảo mộc tự thiếu nghiêu.
Điệp lĩnh bình khai tử thúy kiều.
Vân ái tấp quang sơn thế cận.
Vũ dư giáp lệ vật hoa nhiêu
Lão đồng thiên địa chung linh cửu
Vinh cộng yên hà chúc vọng dao.
Cảm đạo Hà Tiên phong cảnh dị.
Lam đòi uất uất thụ tiêu tiêu.*

Dịch thơ:

*Cây xanh ngăn ngắt vút cao cao.
Ngọn dựng bình giảng đẹp mỹ miều
Mây sáng vây quanh hình núi rõ.
Mưa tàn thêm nổi bóng non theo.
Đất trời bền vững nền linh tú,
Mây khói vời xa nổi ước ao.
Danh thắng Hà Tiên đâu dám bảo.
Cây ngàn môn môn biếc xanh gieo.
(Đông Hồ dịch).*

3. Tiêu Tự thân chung.

Nguyên văn:

蕭寺晨鐘

殘星寥落向天拋
戊夜鯨音遠寺敲
淨境人緣醒世界
孤聲清越出江郊
忽驚鶴唳繞風樹
又促烏啼倚月稍
頓覺千家欹枕後
雞傳曉信亦寥寥

Phiên âm:

*Tàn tinh tiêu lạc hướng thiên phao.
Mậu dạ kinh âm viễn tự sao.
Tịnh cảnh nhân duyên tỉnh thế giới.
Cô thanh thanh việt xuất giang giao.
Hốt kinh ngạc lệ nhiều phong thụ,
Hựu súc ô đề ý nguyệt sao.
Đốn giác thiên gia y chẩm hậu.
Kê truyền hiểu tín diệc liêu liêu.*

Dịch thơ:

*Lác đác trời tàn nhạt ánh sao,
Chuông chùa xa vắng tiếng đưa vào.*

Mơ màng cõi tục người tiên lẫn
Đông vọng bờ cây bến nước xao.
Hạc để tiếng vương cành gió thoảng.
Quạ đưa lời gọi ngọn trăng cao.
Gối nghiêng giấc tỉnh đêm mê mộng
Sớm giục canh gà tin khát khao.
(Đông Hồ dịch)

4. Giang Thành dạ cổ.

Nguyên văn:

江城夜鼓
天風迴繞凍雲高
鎖鑰長江將氣豪
一片樓船寒水月
三更鼓角定波濤
客仍竟夜鎖金甲
人正干城擁錦袍
武略深承英主眷
日南境宇賴安牢

Phiên âm:

Thiên phong hồi nhiễu đông vân cao,
Tỏa thực trường giang tương khí hào.
Nhất phiến lâu thuyền hàn thủy nguyệt,
Tam canh cổ giác định ba đào

*Khách nhưng cánh dạ tủa kim giáp
Nhân chính can thành ủng cầm bào.
Vũ lược thâm thừa anh chủ quyền,
Nhật Nam cảnh vũ lại an lao.*

Dịch thơ:

*Gió cuốn trời cao mây lạnh tung,
Sông dài vây tủa khí anh hùng.
Lâu thuyền dãi bóng trắng sương lạnh,
Trống mõ cầm canh sóng nước trong.
Kim giáp đã nhờ đêm chặt chẽ
Cầm bào cho được chốn thung dung.
Lược thao đem đáp tình minh chúa.
Nước Việt biên thù vững núi sông.
(Đông Hồ dịch)*

5. Thạch Động thôn vân .

Nguyên văn:

石洞吞雲
山峰聳翠砥星河
洞室玲瓏蘊碧珂
不意煙雲由去往
無垠草木共婆娑
風霜久歷文章異
烏兔頻移氣色多

最是精華高絕處
隨風呼吸自嵯峨

Phiên âm:

*Sơn phong từng thúy đẽ tinh hà.
Động thất linh lung uẩn bích kha
Bất ý yên vân do khứ vãng.
Vô ngân thảo mộc cộng bà sa.
Phong sương cứu lịch văn chương dị
Ô thổ tần di khí sắc đa.
Tối thị tinh hoa cao tuyệt xứ.
Tùy phong hô hấp tự tha nga.*

Dịch thơ:

*Xanh xanh ngọn đá chạm thiên hà
động bích long lanh ngọc chói lò.
Chẳng hện khói mây thường lẫn quất.
Không ngăn cây cỏ mặc la đà.
Phong sương càng dãi màu tươi đẹp
Nhật nguyệt chi ngừng bóng lại qua
Chót vót tinh hoa đây đã hẳn.
Theo chiều gió lộng vút cao xa.
(Đông Hồ dịch)*

6. Châu Nham lạc lộ

Nguyên văn:

珠岩落鷺

綠蔭幽雲綴暮霞
靈岩飛出白禽斜
晚排天陣羅芳樹
晴落平崖寫玉花
瀑影共翻明月岫
雲光齊匝夕陽沙
狂情世路將施計
碌碌棲遲水石涯

Phiên âm:

*Lục ám u vân xuyên mộ hà,
Linh nham phi xuất bạch cầm tà.
Vãn bài thiên trận la phương thụ.
Tĩnh lạc bình nhai tả ngọc hoa.
Bộc ảnh cộng phiên minh nguyệt tụ
Vân quang tề táp tịch dương sa.
Cuồng tình thế lộ tương thi kế.
Lục lục thê trì thủy bạch nha.*

Dịch thơ:

*Bóng rợp mây đậm phủ núi non.
Bay la bay lá trắng hàng hôn.
Góc trời thế trận giăng cây cỏ.
Đóa ngọc hoa rơi khắp bãi cồn.
Trắng dải non treo làn thác đổ.*

*Chiều tà cát lẩn ánh mây tuôn.
Trên đường bay nháy bao xuôi ngược
Nghĩ cảnh dừng chân bến nước còn.
(Đông Hồ dịch)*

7. Đông Hồ ấn nguyệt.

Nguyên văn:

東湖印月
雲霽煙消共渺茫
一灣風景接洪荒
晴空浪靜傳雙影
碧海光寒洗萬方
湛闊應涵天蕩漾
凜零不愧海滄涼
魚龍夢覺衝難破
依舊冰心上下光

Phiên âm:

*Vân tế yên tiêu cộng diểu mang,
Nhất loan phong cảnh tiếp hồng hoang
Tĩnh không lãng tịnh truyền song ảnh,
Bích hải quang hàn tiển vạn phương.
Trạm khoát ứng hàm thiên đẵng dạng.
Lẫm linh bất quý hải thương lương.*

*Ngư long mộng giác xung nan phá.
Y cự băng tâm thượng hạ quang.*

Dịch thơ:

*Khói lạnh mây tan cõi diều mang.
Một vùng phong cảnh giữa hồng quang.
Trời xa mặt sóng in đôi bóng.
Biển bạc vành gương dội bốn phương.
Rộng đã sánh cùng trời bát ngát,
Sâu còn so với biển mênh mang.
Cá rồng tỉnh giấc chi tan vỡ,
Một tấm lòng băng vẫn chói chang.
(Đông Hồ dịch)*

8. Nam Phổ trùng ba.

Nguyễn Văn:

南浦澄波
一片滄茫一片清
澄連夾浦老秋晴
天河帶雨烟光結
澤國無風浪沫平
向曉孤帆分水急
趨潮容舫載雲輕
他知入海魚龍匿

月朗波光自在明

Phiên âm:

*Nhất phiến thương mang nhất phiến thanh.
Trùng liên giáp phó lão thu tình.
Thiên hà đái vũ yên quang kết
Trạch quốc vô phong lãng mạt bình.
Hương hiếu cô phàm phân thủy cấp.
Xu triều dung phảng tải vân khinh.
Tha tri nhập hải ngư long nặc.
Nguyệt lãng ba quang tự tại minh*

Dịch thơ:

*Một vùng xanh ngắt một doành khơi.
Bãi nổi màu thu tiếp sắc trời.
Mưa khéo mây đem về kết tụ
Gió nào cho sóng động tằm hơi.
Biển hâng hắng sáng triều tuôn dấy,
Buồm nhẹ nhàng đưa khói thoảng trôi.
Vực thẳm cá rồng còn ẩn nấu.
Êm đềm nước ngậm bóng trăng soi.
(Đông Hồ dịch)*

9. Lộc Trĩ thôn cư.

Nguyên văn:

鹿峙村居

竹屋風過夢始醒

鴉啼簷外却難聽
殘霞倒掛沿窗紫
密樹低垂接圃青
野性偏同猿鹿靜
清心每羨稻粱馨
行人若問住何處
牛背一聲吹笛停

Phiên âm:

*Trúc ốc phong qua mộng thủy tinh.
Nha đề thiêm ngoại khước nan thanh.
Tàn hà đảo quả duyên song tử
Mật thụ đề thù tiếp phổ thanh,
Dã tính thiên đồng viên lộc tĩnh
Thanh tâm mỗi tiến đạo lương hình.
Hành nhân nhược vấn trú hà xứ.
Nguu bối nhất thanh xuy dịch đình.*

Dịch thơ:

*Lều tre giấc tỉnh gió lay mình,
Tiếng quạ ồn chi trước mái tranh.
Ráng xế treo ngang khung cửa tím
Cây vườn che lợp luống rau xanh
Tánh gần mộc mạc hươu nai dại
Lòng thích thơm tho nếp tẻ thanh.
Ai đó hỏi thăm nơi chốn ở.*

*Lưng trâu tiếng sáo lặng làm thinh.
(Đông Hồ dịch)*

10. Lư Khê nhàn điệu.

Nguyễn Văn

鱸溪閒釣

遠遠滄浪含夕照

鱸溪烟裏出漁燈

橫波掩映泊孤艇

落月參差浮罩層

一領蓑衣霜氣迫

幾聲竹棹水光凝

飄零自笑汪洋外

欲附魚龍却未能

Phiên âm:

Viễn viễn thương lang hàm tịch chiếu

Lư Khê yên lý xuất ngư đặng.

Hoành ba yểm ánh bạc cô đĩnh.

Lạc nguyệt sâm si phù tráo tầng

Nhất lãnh thoa y sương khí bách

Kỷ thanh trúc trạo thủy quan ngưng.

Phiêu linh tự tiểu uông dương ngoại

Dục phụ ngư long khước vị năng

Dịch thơ:

*Bóng chiều nắng ngả dòng sông thẳm,
Rạch Vược đèn ngư khói chập chùng
Bến cũ nhấp nhô thuyền đỗ sóng
Bờ xa san sát lưới phơi trắng
Cánh toi áo thấm sương pha buốt,
Mái trúc chèo khua nước sáng trưng.
Lông lộng vờn trông cười thử hỏi
Cá rồng vùng vẫy chốn này chăng.*

(Đông Hồ dịch)